

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG

MÃ SỐ: 7720301

*(Ban hành theo Quyết định số 816 /QĐ-ĐHQGHN, ngày 13 tháng 3 năm 2020
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Điều dưỡng
 - + Tiếng Anh: Nursing
- Mã số ngành đào tạo: 7720301
- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Điều dưỡng
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Nursing
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân điều dưỡng có năng lực thực hành nghề nghiệp theo pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và năng lực nghề nghiệp điều dưỡng ở trình độ đại học; có ý thức phục vụ nhân dân; có sức khỏe và năng lực tư duy; làm việc độc lập và phối hợp, tự học và nghiên cứu khoa học, quản lý và phát triển nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- Người điều dưỡng có kiến thức vững vàng về khoa học xã hội - khoa học tự nhiên - khoa học chuyên ngành về khối ngành chăm sóc sức khỏe và ngành điều dưỡng, nắm vững các nguyên tắc thực hành điều dưỡng, chăm sóc lấy người bệnh làm trung tâm, có kiến thức vững vàng về sự tác động qua lại giữa môi trường và

sức khỏe con người; các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.

2.2.2. Về kỹ năng

Người điều dưỡng có đủ kỹ năng thực hành nghề nghiệp cần thiết:

- Hành nghề theo pháp luật nhà nước, qui định của ngành y tế và đạo đức nghề nghiệp điều dưỡng;
- Tổ chức và thực hiện sơ cứu, cấp cứu những tình huống khẩn cấp, nguy kịch đơn lẻ và hàng loạt;
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng, lập kế hoạch thực hiện và tổ chức thực hiện quy trình điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh;
- Thực hành chăm sóc toàn diện, phù hợp với văn hóa người bệnh đảm bảo sự an toàn, đảm bảo chất lượng, ổn định và liên tục;
- Cung cấp môi trường chăm sóc an toàn và quản lý nguy cơ. Có đủ năng lực hợp tác trong chăm sóc, giao tiếp tốt với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng. Phối hợp tổ chức thực hiện tốt y lệnh của thầy thuốc, đề xuất các biện pháp xử lý hợp lý, phối hợp với thầy thuốc để chăm sóc và nâng cao sức khỏe người bệnh;
- Quản lý, ghi hồ sơ bệnh án đúng quy định; sử dụng và quản lý thuốc, trang thiết bị y tế hợp lý, an toàn và hiệu quả;
- Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng;
- Tham gia phòng bệnh và phát hiện sớm các dịch bệnh tại địa phương, đề xuất các biện pháp phối hợp để phòng chống dịch;
- Áp dụng Y học cổ truyền vào công tác chăm sóc và phòng bệnh;
- Thực hiện nghiên cứu điều dưỡng và sử dụng các bằng chứng khoa học, ứng dụng tin học và ngoại ngữ, sử dụng các kỹ năng giao tiếp, phối hợp, lãnh đạo và quản lý chuyên nghiệp nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc và an toàn người bệnh;
- Tham gia công tác quản lý ngành, thực hiện nghiên cứu điều dưỡng, tổ chức và đào tạo nguồn nhân lực điều dưỡng và nhân viên y tế.

2.2.3. Về thái độ

- Người điều dưỡng thực hành nghề nghiệp theo luật pháp, chính sách của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Trung thực, khách quan, thận trọng, ý thức làm việc hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp, chân thành hợp tác với đồng nghiệp;

- Tôn trọng quyền của người bệnh;

- Có ý thức phát triển nghề nghiệp, học tập liên tục và suốt đời.

3. Thông tin tuyển sinh

Theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và theo Đề án tuyển sinh được phê duyệt hàng năm.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

- Vận dụng các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân nói chung, liên quan đến ngành Điều dưỡng nói riêng;

- Xây dựng cơ sở kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội, áp dụng được kiến thức về ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong công tác chuyên môn làm nền tảng để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

1.2. Kiến thức theo lĩnh vực

- Áp dụng các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở, y tế cộng đồng và kiến thức chuyên ngành Điều dưỡng về cấu tạo và chức năng của cơ thể con người ở trạng thái bình thường và bệnh lý.

1.3. Kiến thức theo khối ngành

- Phân tích và vận dụng được các nguyên lý chăm sóc điều dưỡng, các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, và các kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa tại bệnh viện và cộng đồng trong việc chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc và phòng bệnh cho cá nhân, gia đình và cộng đồng;

- Hiểu biết về phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong công tác điều dưỡng;

- Chuẩn bị được nội dung một buổi giáo dục sức khỏe;

- Vận dụng kiến thức về tâm lý y học trong thực hành điều dưỡng.



1.4. Kiến thức theo nhóm ngành

- Đánh giá được một số thay đổi của cơ thể trong những điều kiện bình thường và bệnh lý;

- Thực hiện được các quy định cơ bản về các quy định về pháp luật trong công tác khám chữa bệnh như: Luật khám chữa bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn, chăm sóc người bệnh, giao tiếp ứng xử,...

1.5. Kiến thức ngành

- Tuân thủ đầy đủ 25 tiêu chuẩn năng lực của cử nhân điều dưỡng Việt Nam (Hội nhập với 18 tiêu chuẩn năng lực của cử nhân điều dưỡng Đông Nam Á và Tây Thái Bình Dương) trong công tác chăm sóc người bệnh, công tác quản lý điều dưỡng và hành nghề điều dưỡng;

- Mô tả được tổ chức, hoạt động của Khoa điều dưỡng tại Bệnh viện;

- Sắp xếp, điều phối được công việc hàng ngày của một Phòng Điều dưỡng tại Bệnh viện;

- Tiếp cận và luôn cập nhật kiến thức y học hiện đại của Khu vực và Thế giới.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

2.1.1. Các kỹ năng nghề nghiệp

- Thực hiện thành thạo kỹ năng chăm sóc người bệnh trong khám và điều trị;

- Thực hiện tốt y lệnh của Bác sĩ;

- Đề xuất và thực hiện xử trí kịp thời, hợp lý trong chăm sóc người bệnh;

- Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh;

- Thực hiện đúng các qui chế vô khuẩn, qui định chăm sóc người bệnh;

- Sử dụng thuốc hợp lý, an toàn;

- Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh, chăm sóc người bệnh và cộng đồng một cách hiệu quả.

2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- Đánh giá, phân tích được tình hình đơn vị;

- Đề xuất được giải pháp giải quyết các vấn đề phát sinh trong công việc.

2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

- Kỹ năng hình thành giả thuyết nghiên cứu;
- Thực hiện được một đề tài nghiên cứu khoa học độc lập;
- Ứng dụng được kết quả nghiên cứu trong thực tế công việc.

2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống

- Phân tích liên quan sức khỏe với các yếu tố môi trường, văn hóa, kinh tế xã hội;

- Phân tích sự lựa chọn giữa các vấn đề và tìm ra cách giải quyết;
- Tư duy phân tích đa chiều về chuyên ngành với các yếu tố ngoại cảnh.

2.1.5. Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh

- Thể hiện được vai trò và trách nhiệm của một cử nhân điều dưỡng đối với xã hội;

- Đáp ứng chuẩn mực của xã hội về cử nhân điều dưỡng.

2.1.6. Bối cảnh tổ chức

- Phân tích được đặc điểm, tình hình của đơn vị;
- Xây dựng được kế hoạch làm việc và phát triển đơn vị.

2.1.7. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn

- Áp dụng và thực hiện được các kỹ thuật, thao tác chăm sóc người bệnh;

- Sử dụng thành thạo, hợp lý các quy trình quy định trong chăm sóc người bệnh;

- Phát hiện được những vấn đề mới trong chuyên môn.

2.1.8. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp

- Chủ động tìm tòi, sáng tạo trong tiếp cận về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Định hướng và thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau;

- Tự học tập, tích lũy kiến thức được kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật;

- Lập được kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.



2.2. Kỹ năng bổ trợ

2.2.1. Các kỹ năng cá nhân

- Sắp xếp kế hoạch công việc khoa học và hợp lí;
- Thích ứng được với sự thay đổi môi trường sống và làm việc;
- Học và tự học, tự nghiên cứu.

2.2.2. Làm việc theo nhóm

- Xây dựng và điều hành nhóm làm việc hiệu quả;
- Điều hành, phân công được công việc của nhóm.

2.2.3. Quản lí và lãnh đạo

- Tổ chức, phân công công việc trong đơn vị;
- Đánh giá được hoạt động của cá nhân và tập thể.

2.2.4. Kỹ năng giao tiếp

- Xây dựng và sắp xếp được ý tưởng, nội dung giao tiếp;
- Giao tiếp thành thạo bằng văn bản và các phương tiện truyền thông khác;
- Thuyết trình thành thạo, tự tin những vấn đề chuyên ngành;
- Kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân: tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân, trao đổi và chia sẻ với đồng nghiệp...

2.2.5. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ

- Đạt năng lực tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2.2.6. Các kỹ năng bổ trợ khác

- Kỹ năng Tin học và công nghệ thông tin: sử dụng thành thạo các phần mềm thông dụng (STATA, EPI-INFO, SPSS...)

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Sẵn sàng đương đầu với khó khăn;
- Kiên trì, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê sáng tạo;
- Cảm thông, chia sẻ được với đồng nghiệp, người bệnh.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Tận tâm, tận lực, trung thực và trách nhiệm trong công việc;
- Hình thành được tác phong làm việc chuyên nghiệp;

- Đáp ứng văn hóa ứng xử của thầy thuốc (12 điều y đức).

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Tuân thủ pháp luật và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước;
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành;
- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; hết lòng phục vụ người bệnh; tôn trọng, nhân ái; coi người bệnh như người thân của mình.

4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định;
- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. Lập kế hoạch, điều phối, quản lí các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

5. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Làm việc tại các cơ sở y tế trong và ngoài nước với chức danh: Cử nhân Điều dưỡng;
- Tham gia công tác giảng dạy tại các trường y dược.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Sau khi tốt nghiệp, người học có cơ hội nâng cao trình độ bậc thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành Điều dưỡng.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:	130 tín chỉ
<i>(chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh)</i>	
- Khối kiến thức chung:	16 tín chỉ
<i>(chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh)</i>	
- Khối kiến thức theo lĩnh vực:	08 tín chỉ
- Khối kiến thức theo khối ngành:	15 tín chỉ
- Khối kiến thức theo nhóm ngành:	10 tín chỉ

- Khối kiến thức ngành:**81 tín chỉ**

+ Các học phần bắt buộc:

61 tín chỉ

+ Các học phần tự chọn:

14/34 tín chỉ

+ Khóa luận tốt nghiệp/Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 06 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh)		16				
1	PHI1006	Triết học Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	3	30	15	0	
2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Marx-Lenin Political Economy</i>	2	20	10	0	PHI1006
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	30	0	0	
4	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	2	20	10	0	
5	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Ideology</i>	2	20	10	0	
6	FLF1107	Tiếng Anh B1 <i>English B1</i>	5	20	35	20	
7		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
8		Giáo dục quốc phòng – an ninh <i>National Defence Education</i>	8				
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		08				
9	CHE1080	Hóa học đại cương <i>General Chemistry</i>	3	42	0	3	
10	BIO1059	Sinh học đại cương <i>Basic Biology</i>	2	15	15	0	
11	MAT1101	Xác suất thống kê <i>Probability and Statistics</i>	3	30	15	0	
III	Khối kiến thức theo khối ngành		15				
12	SMP2701	Giải phẫu <i>Anatomy</i>	3	30	15	0	
13	SMP2606	Mô học đại cương <i>General Histology</i>	2	25	5	0	
14	SMP2702	Vi sinh <i>Microbiology</i>	2	20	10	0	

STT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
15	SMP1012	Kí sinh trùng <i>Parasitology</i>	2	15	15	0	
16	SMP2052	Hóa sinh học <i>Biochemistry</i>	3	30	15	0	CHE1080
17	SMP2053	Sinh lí học <i>Physiology</i>	3	30	15	0	BIO1059
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		10				
18	SMP1010	Truyền thông giáo dục sức khỏe - Y đức <i>Communication Education - Medical Ethics</i>	3	30	15	0	
19	SMP2099	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Research Methodology</i>	3	15	30	0	MAT1101
20	SMP2601	Sinh lí bệnh đại cương <i>Basic Pathophysiology</i>	2	25	5	0	SMP2052 SMP2053
21	SMP2602	Dược lí đại cương <i>Basic Pharmacology</i>	2	25	5	0	
V	Khối kiến thức ngành		81				
V.1	Các học phần bắt buộc		61				
22	SMP2703	Kĩ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng <i>Communication skill in nursing practice</i>	3	30	15	0	
23	SMP2704	Điều dưỡng cơ sở 1 <i>Basic nursing 1</i>	5	30	45	0	
24	SMP2705	Điều dưỡng cơ sở 2 <i>Basic nursing 2</i>	5	30	45	0	SMP2704
25	SMP2706	Huấn luyện kĩ năng điều dưỡng <i>Skillab for Nursing</i>	2	0	30	0	
26	SMP2707	Quản lí điều dưỡng <i>Nursing management</i>	3	35	10	0	
27	SMP2708	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng <i>Infection control in nursing practice</i>	2	15	15	0	
28	SMP2709	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1 <i>Adult Healthcare for Internal Medicine 1</i>	4	30	30	0	SMP2705 SMP2706
29	SMP2710	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2 <i>Adult Healthcare for Internal Medicine 2</i>	4	15	45	0	SMP2709

STT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
30	SMP2711	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1 <i>Adult Healthcare for Surgery 1</i>	4	30	30	0	SMP2705 SMP2706
31	SMP2712	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2 <i>Adult Healthcare for Surgery 2</i>	4	15	45	0	SMP2711
32	SMP2713	Y học cổ truyền <i>Traditional Medicine</i>	2	15	15	0	
33	SMP2714	Chăm sóc sức khỏe trẻ em <i>Child Healthcare</i>	5	30	45	0	
34	SMP2715	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng <i>Community Healthcare</i>	2	15	15	0	
35	SMP2716	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình <i>Maternal and familial healthcare</i>	4	30	30	0	
36	SMP2717	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực <i>Emergency and intensive healthcare</i>	3	15	30	0	
37	SMP2718	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi <i>Geriatric healthcare</i>	2	15	15	0	
38	SMP2719	Chăm sóc sức khỏe người có bệnh truyền nhiễm <i>Infectious Disease Healthcare</i>	3	30	15	0	
39	SMP2720	Xử trí lồng ghép trẻ bệnh <i>Intergrated Management of Childhood Illness</i>	2	0	30	0	
40	SMP4010	Thực tập tốt nghiệp <i>Internship</i>	2	0	30	0	
V.2	Các học phần tự chọn		14/34				
41	SMP2721	Chăm sóc sức khỏe tâm thần <i>Psychological healthcare</i>	2	15	15	0	
42	SMP2722	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Lao <i>Healthcare for Tuberculosis</i>	2	15	15	0	
43	SMP2723	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Da liễu <i>Dermatological Healthcare</i>	2	15	15	0	
44	SMP2724	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Mắt <i>Ophthalmological healthcare</i>	2	15	15	0	
45	SMP2725	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Tai mũi họng <i>ENT healthcare</i>	2	15	15	0	

STT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
46	SMP2726	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Răng hàm mặt <i>Odontostomatological Healthcare</i>	2	15	15	0	
47	SMP2727	Chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS <i>Healthcare for HIV/AIDS</i>	2	15	15	0	
48	SMP2728	Chăm sóc bệnh nhân gây mê hồi sức <i>Anesthesiology and Recovery Healthcare</i>	2	15	15	0	
49	SMP2729	Chăm sóc người bệnh ung thư <i>Healthcare for cancer</i>	2	15	15	0	
50	SMP2730	Chăm sóc người bệnh Phục hồi chức năng <i>Healthcare for reibility</i>	2	15	15	0	
51	SMP2091	Tâm lý lâm sàng <i>Clinical Psychology</i>	2	25	5	0	
52	SMP2731	Nâng cao sức khỏe và hành vi con người <i>Health and human behavior improvement</i>	2	30	0	0	
53	SMP2732	Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng <i>Health Education in Nursing Practicing</i>	2	25	5	0	
54	SMP2733	Điều dưỡng thảm họa <i>Disaster nursing</i>	2	25	5	0	
55	SMP2734	Các chương trình y tế quốc gia <i>National Health Programs</i>	2	25	5	0	
56	SMP2093	Sức khỏe môi trường và nghề nghiệp <i>Environmental and Occupational Health</i>	2	25	5	0	
57	SMP2735	Dịch tễ học <i>Epidemiology</i>	2	25	5	0	
V.3	Khóa luận tốt nghiệp/ Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp						
58	SMP4057	Khóa luận tốt nghiệp* Thesis	6				
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp**							
59	SMP2736	Thực hành chăm sóc người bệnh Nội khoa nâng cao <i>Advance Internal Nursery Practice</i>	3	15	30	0	

STT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
60	SMP2737	Thực hành chăm sóc người bệnh Ngoại khoa nâng cao <i>Advance Surgery Nursery Practice</i>	3	15	30	0	
Tổng cộng			130				

Ghi chú:

- Học phần Ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kì, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy.

- *: Những sinh viên có điểm trung bình chung tích lũy đến thời điểm nhận khóa luận tốt nghiệp $\geq 2,5$ được đăng kí làm khóa luận.

- **: Những sinh viên không đủ điều kiện hoặc không muốn làm khóa luận tốt nghiệp phải học 2 học phần thay thế với khối lượng kiến thức 6 tín chỉ.